

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUỒN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2023

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUỒN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmok

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kđăm- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại Phòng xử án- Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 200/2023/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2023/QĐST -HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh Ng, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 82 L, tổ dân phố 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ng và anh Đ quen biết và tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc. Sau khi về chung sống với nhau thì hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống thường xuyên cãi vã chỉ vì những lý do nhỏ nhặt và không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Ng đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2016. Hiện đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị Ng có nguyện vọng giao cháu Ph cho anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph đến tuổi trưởng thành.

- *Về cấp dưỡng*: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ là bị đơn lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tiến hành hòa giải được đối với các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự, của nguyên đơn. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, bị đơn (Không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án).

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Ng được ly hôn với anh Nguyễn Công Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2016 cho anh

Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành và đó cũng là nguyện vọng của cháu Ph. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ng và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ng trình bày: Sau khi về chung sống với nhau thì hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống thường xuyên cãi vã chỉ vì những lý do nhỏ nhặt và không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hai người đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ng đề nghị xem xét cho ly hôn với anh Đ.

Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 11 tháng 8 năm 2023 của chính quyền địa phương thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương thỉnh thoảng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì chính quyền địa phương không biết được vì khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không trình báo

gì cho chính quyền địa phương. Hiện anh Đ đang đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về địa phương.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Ng và anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2016. Hiện đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị Ng có nguyện vọng giao cháu Ph cho anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph đến tuổi trưởng thành và đó cũng là nguyện vọng của cháu Ph là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 4 Điều 207, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh Ng.

Chị Lê Thị Thanh Ng được ly hôn với anh Nguyễn Công Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2016 cho anh Nguyễn Công Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi và đó cũng là nguyện vọng của cháu Ph.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung nên các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai số: 0018634, ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Đ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Nhất